ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 6640/QĐ-ĐHBK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại cơ sở Lý Thường Kiệt khu vực B1-B2-A1-Cổng 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 5227/QĐ-ĐHBK ngày 16/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐĐHQG ngày 03/9/2025 của Hội đồng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tài chính của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2111/QĐ-ĐHQG ngày 28/10/2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 210/NQ-ĐU ngày 24/7/2026 của Đảng ủy Trường Đại học Bách khoa về chủ trương thực hiện các dự án cải tạo cơ sở vật chất của Trường Đại học Bách khoa giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại cơ sở Lý Thường Kiệt khu vực B1-B2-A1-Cổng 2 do Công ty Cổ phần Kiến trúc Xây dựng Green BNG lập tháng 11/2026;

Căn cứ Báo cáo số 017-11-26/TTTK-TT ngày 16/11/2026 của Công ty TNHH Thiết kế - Thi công Xây dựng Trí Thịnh về việc thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại cơ sở Lý Thường Kiệt khu vực B1-B2-A1-Cổng 2;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản trị - Thiết bị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại cơ sở Lý Thường Kiệt khu vực B1-B2-A1-Cổng 2 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại cơ sở Lý Thường Kiệt khu vực B1-B2-A1-Cổng 2.
2. Chủ đầu tư: Trường Đại học Bách khoa.
3. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

3.1. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp, cải tạo hoàn thiện lại hạ tầng trong sân trường, bảo đảm cảnh quan và giúp cho việc thoát nước, đảm bảo tránh tình trạng ngập nước khi trời mưa như hiện tại.

3.2. Quy mô đầu tư xây dựng: Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực B1-B2-A1-Cổng 2, nội dung cải tạo như sau:

- Cải tạo, sửa chữa Mặt đường bê tông nhựa diện tích 6.810,40 m^2;
- Cải tạo, sửa chữa Vỉa hè dọc các tuyến đường diện tích 1.056,80 m^2;
- Cải tạo, sửa chữa Bó vỉa dọc các tuyến đường chiều dài 1.054,18 m;
- Cải tạo, sửa chữa Hệ thống Thoát nước chiều dài 401,00 m.

4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Kiến trúc Xây dựng Green BNG.
5. Địa điểm xây dựng: số 268 Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM.
6. Loại nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III.
7. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
   - TCVN 5573:2025: Thiết kế kết cấu khối xây;
   - TCCS 39 : 2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
   - TCCS 41: 2022/TCĐBVN: Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu - Tiêu chuẩn thiết kế;
   - TCVN 7957 – 2023: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;
   - TCVN 9113:2012: Cống tròn bê tông cốt thép thoát nước;
   - TCVN 9116:2012: Cống hộp bê tông cốt thép;
   - TCVN 11821-3:2017: Hệ thống ống thành kết cấu bằng PVC-U, PP và PE;
   - Và các tiêu chuẩn được áp dụng cho thiết kế kỹ thuật phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

8. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: 19.500.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười chín tỷ năm trăm triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	: 17.628.333.884	đồng
- Chi phí quản lý dự án	: 369.066.798	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 1.028.748.992	đồng
- Chi phí khác	: 161.736.900	đồng
- Chi phí dự phòng	: 312.113.426	đồng

9. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2027.
10. Nguồn vốn đầu tư: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.
11. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Phòng Quản trị - Thiết bị có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản trị - Thiết bị, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QTTB (Việt, Quang).

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Mai Thanh Phong

Phụ lục

CHI TIẾT BẢNG TÍNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

DỰ ÁN CẢI TẠO HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT TẠI CƠ SỞ LÝ THƯỜNG KIỆT KHU VỰC B1-B2-A1-CỔNG 2

(Kèm theo Quyết định số 6640/QĐ-ĐHBK ngày 17 / 11 /2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung chi chí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT 8%	Chi phí sau thuế
1	**Chi phí xây dựng**	**Gxd**	**Gxd1 + Gxd2**	**16.322.531.374**	**1.305.802.510**	**17.628.333.884**
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công	Gxd1	Dự toán chi tiết	16.160.922.152	1.292.873.772	17.453.795.924
1.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	Gxd2	Dự toán chi tiết	161.609.222	12.928.738	174.537.960
2	**Chi phí quản lý dự án**	**Gqlda**	**2,617% x Gxd1 x 80%**	**341.728.517**	**27.338.281**	**369.066.798**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**Gtv**	**TV1 + TV2 + TV3 + TV4**	**952.545.363**	**76.203.629**	**1.028.748.992**
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	TV1	2,95% x Gxd1 Tối đa 453.600.000 đồng (hợp đồng đã ký)	420.000.000	33.600.000	453.600.000
3.2	Chi phí thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật	TV2	(TV2.1+TV2.2) x 1,2 Tối đa 64.800.000 đồng (hợp đồng đã ký)	60.000.000	4.800.000	64.800.000
3.2.1	*Chi phí thẩm tra thiết kế*	*TV2.1*	*0,182% x Gxd1*	*29.412.878*	*2.353.030*	*31.765.908*
3.2.2	*Chi phí thẩm tra dự toán*	*TV2.2*	*0,176% x Gxd1*	*28.443.223*	*2.275.458*	*30.718.681*

TT	Nội dung chi chí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT 8%	Chi phí sau thuế
3.3	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	TV3	TV3.1 + TV3.2 + TV3.3	88.723.462	7.097.877	95.821.339
3.3.1	*Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT*	*TV3.1*	*0,349% x Gxd1*	*56.401.618*	*4.512.129*	*60.913.747*
3.3.2	*Chi phí thẩm định HSMT*	*TV3.2*	*0,100% x Gxd1*	*16.160.922*	*1.292.874*	*17.453.796*
3.3.3	*Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu*	*TV3.3*	*0,100% x Gxd1*	*16.160.922*	*1.292.874*	*17.453.796*
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TV4	2,375% x Gxd1	383.821.901	30.705.752	414.527.653
4	**Chi phí khác**	**Gk**	**K1 + K2**	**152.392.500**	**9.344.400**	**161.736.900**
4.1	Chi phí kiểm toán độc lập	K1	0,599% x TMĐT	116.805.000	9.344.400	126.149.400
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	K2	0,365% x TMĐT x 0,5	35.587.500		35.587.500
5	**Chi phí dự phòng**	**Gdp**	**Gdp1**			**312.113.426**
5.1	Dự phòng cho khối lượng phát sinh	Gdp1	(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk) x 1,6266%			312.113.426
	TỔNG CỘNG		**$G_{XD}+G_{TB}+G_{QLDA}+G_{TV}+G_{K}+G_{DP}$**			**19.500.000.000**
(Bằng chữ: Mười chín tỷ năm trăm triệu đồng)./.						